

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05-32
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-32

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 19 tháng 12 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Đức Thuận	Chủ tịch	
Ông Trần Xuân Vinh	Thành viên	
Ông Phạm Thế Hưng	Thành viên	
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2020
Ông Đặng Minh Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2020

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Thế Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2020
Ông Lê Đức Thuận	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2020

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Không Thị Oanh	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thanh Huyền	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Quyên	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Đức Thuận

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2021



Số: 160 /BCKT/TC/NV8

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588

Fax: (+84 24) 3868 6248

Web: kiemtoanava.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc được lập ngày 30 tháng 01 năm 2021, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0373-2018-126-1

Mai Quang Hiệp
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1320-2018-126-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		136.581.556.875	85.995.836.107
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.717.816.844	4.893.673.795
111	1. Tiền		10.717.816.844	4.893.673.795
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	362.000.000	362.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		362.000.000	362.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		44.131.451.883	56.269.696.506
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	36.498.793.771	12.196.238.026
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	7.532.955.112	33.573.458.480
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	10.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	99.703.000	-
140	IV. Hàng tồn kho	8	65.267.810.884	21.356.285.000
141	1. Hàng tồn kho		65.267.810.884	21.356.285.000
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16.102.477.264	3.114.180.806
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	9.878.335.614	2.488.082.836
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		6.224.141.650	626.097.970
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		178.107.722.867	98.663.548.175
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		45.000.000.000	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	45.000.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		131.090.397.473	96.055.015.708
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	129.077.931.639	96.055.015.708
222	- Nguyên giá		166.078.530.435	121.788.729.132
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(37.000.598.796)	(25.733.713.424)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		963.645.834	-
225	- Nguyên giá		990.000.000	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.354.166)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình		1.048.820.000	-
228	- Nguyên giá		1.048.820.000	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		24.020.705	360.636.240
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		24.020.705	360.636.240
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.993.304.689	2.247.896.227
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.575.346.753	2.131.740.546
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	25	80.941.275	27.138.155
269	3. Lợi thế thương mại		337.016.661	89.017.526
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		314.689.279.742	184.659.384.282

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		155.948.533.758	62.267.950.529
310	I. Nợ ngắn hạn		154.645.358.428	54.670.701.339
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	41.053.388.627	17.057.212.246
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	40.838.036.945	734.795.340
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	10.994.439.971	3.365.980.057
314	4. Phải trả người lao động		4.421.318.818	962.100.158
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	1.333.902.017
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	6.934.200.071	516.486.427
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	49.837.882.696	30.700.225.094
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		566.091.300	-
330	II. Nợ dài hạn		1.303.175.330	7.597.249.190
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	1.303.175.330	7.597.249.190
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		158.740.745.984	122.391.433.753
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	158.740.745.984	122.391.433.753
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		80.000.000.000	80.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		80.000.000.000	80.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.698.273.899	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		66.056.981.529	36.603.650.777
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		34.217.903.090	24.968.900.453
421b	LNST chưa phân phối năm nay		31.839.078.439	11.634.750.324
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		10.985.490.556	5.787.782.976
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		314.689.279.742	184.659.384.282




Lại Thị Thu Hà
Người lậpNguyễn Xuân Trường
Kế toán trưởngLê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT***Năm 2020*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	604.302.725.845	253.888.398.134
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	7.441.879.911	1.933.499.733
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		596.860.845.934	251.954.898.401
11	4. Giá vốn hàng bán	19	512.125.889.576	202.859.232.095
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		84.734.956.358	49.095.666.306
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	321.193.115	40.046.277
22	7. Chi phí tài chính	21	3.214.350.349	2.779.834.559
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.196.177.030	2.691.361.971
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	22	22.422.864.998	21.109.540.995
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	18.936.635.440	10.127.504.464
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		40.482.298.686	15.118.832.565
31	12. Thu nhập khác		161.734.363	4.817.529
32	13. Chi phí khác		445.881.319	317.748.785
40	14. Lợi nhuận khác		(284.146.956)	(312.931.256)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		40.198.151.730	14.805.901.309
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	7.794.789.831	3.096.024.382
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	25	36.588.038	70.998.242
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		32.366.773.861	11.638.878.685
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		31.839.078.439	11.634.750.324
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		527.695.422	4.128.361
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	4.046	1.455

Lại Thị Thu Hà
Người lậpNguyễn Xuân Trường
Kế toán trưởngLê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**Năm 2020****(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		40.198.151.730	14.805.901.309
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11.474.795.335	8.962.020.220
03	- Các khoản dự phòng		-	(781.001.887)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		6.520.001	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(321.193.115)	(40.046.277)
06	- Chi phí lãi vay		3.196.177.030	2.691.361.971
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		54.554.450.981	25.638.235.336
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(49.261.601.312)	(28.440.749.154)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(43.911.525.884)	8.002.538.445
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		75.432.817.384	2.777.917.517
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(6.833.858.985)	(1.113.988.038)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.196.177.030)	(2.691.361.971)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.956.699.028)	(3.932.199.706)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		23.827.406.126	240.392.429
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(40.962.241.471)	(15.349.251.506)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		100.454.538	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(8.862.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	5.000.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.500.000.000	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		321.193.115	40.046.277
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(30.040.593.818)	(19.171.205.229)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		97.579.802.162	83.509.120.368
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(85.535.951.420)	(72.485.042.558)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		12.043.850.742	11.024.077.810

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*Năm 2020**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.830.663.050	(7.906.734.990)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.893.673.795	12.800.408.785
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(6.520.001)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>10.717.816.844</u>	<u>4.893.673.795</u>


Lại Thị Thu Hà
Người lập


Nguyễn Xuân Trường
Kế toán trưởng


Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 19 tháng 12 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 80.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 80.000.000.000 đồng; tương đương 8.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các loại bánh.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất các loại bánh từ bột, sản xuất đường, cacao, sô cô la và mứt kẹo;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Bán buôn gạo, bán buôn thực phẩm, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Cấu trúc Tập đoàn

- Các công ty con sở hữu trực tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Chế biến Nông Sản Thực phẩm Hồng Hà	Hà Nội	90,00%	90,00%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan	TP.Hồ Chí Minh	96,72%	94,56%	Sản xuất bánh kẹo

- Các công ty con sở hữu gián tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm Năm trước bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam	Bình Phước	49,33%	51,00%	Sản xuất và xuất khẩu hạt điều

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 44	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10	năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.17 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên trực tiếp hoặc gián tiếp phân quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	6.175.452.168	2.874.407.375
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.542.364.676	2.019.266.420
	10.717.816.844	4.893.673.795

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	362.000.000	-	362.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	362.000.000	-	362.000.000	-
	362.000.000	-	362.000.000	-

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi nhánh Hà Nội - Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	1.250.159.108	-	2.455.790.939	-
Chi nhánh TP HCM - Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	662.747.892	-	2.264.155.533	-
Công ty CP Đầu tư Homeconstruct	-	-	1.504.136.400	-
Công ty CP Create Capital Việt Nam	3.064.113.530	-	2.587.531.390	-
Beltamozhiliya Ltd	10.375.490.036	-	-	-
Anwar Trades	5.006.358.000	-	-	-
Công ty CP Thương mại Bách Hóa Xanh	1.398.402.713	-	411.024.346	-
Phải thu khác	14.741.522.492	-	2.973.599.418	-
	36.498.793.771	-	12.196.238.026	-
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	-	-	1.504.136.400	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Quốc tế Thịnh Đạt	-	-	1.189.650.001	-
Công ty TNHH SX TM DV Hướng Dương Milk Tea Fresh	-	-	8.100.000.000	-
Công ty TNHH Bala Việt Nam	3.619.802.500	-	12.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Homeconstruct	-	-	10.000.000.000	-
Cơ sở sản xuất Bình Chung	2.898.152.612	-	-	-
Trả trước khác	1.015.000.000	-	2.283.808.479	-
	7.532.955.112	-	33.573.458.480	-
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-	10.000.000.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Ký cược, ký quỹ	27.000.000	-	-	-
Phải thu khác	72.703.000	-	-	-
	99.703.000	-	-	-
b) Dài hạn				
Công ty CP Đầu tư - Phát triển Công Nghệ - Thiết kế Việt Nam (*)	45.000.000.000	-	-	-
	45.000.000.000	-	-	-

(*) Đây là khoản tiền mà công ty con - Công ty CP Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan góp vốn cùng với Công ty CP Đầu tư - Phát triển Công nghệ - Thiết kế Việt Nam để đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án "Bảo tồn và Phát triển làng nghề truyền thống Sơn Đồng". Tổng diện tích thực hiện dự án là 59.000 m2. Công ty con được hưởng 20% lợi nhuận thu được từ dự án.

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	42.654.617.278	-	14.690.810.517	-
Công cụ, dụng cụ	334.718.191	-	216.127.281	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	1.307.954	-
Thành phẩm	936.461.696	-	181.467.533	-
Hàng hoá	21.342.013.719	-	6.266.571.715	-
	65.267.810.884	-	21.356.285.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

a nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	54.523.197.308	58.859.556.371	7.080.090.908	1.025.454.545	300.430.000	121.788.729.132
- Mua trong năm	9.197.172.709	33.341.552.853	970.909.091	30.000.000	-	43.539.634.653
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.306.530.286	-	-	-	-	1.306.530.286
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(556.363.636)	-	-	(556.363.636)
Số dư cuối năm	65.026.900.303	92.201.109.224	7.494.636.363	1.055.454.545	300.430.000	166.078.530.435
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	15.380.550.153	8.283.230.761	1.874.727.632	148.937.728	46.267.150	25.733.713.424
- Khấu hao trong năm	5.843.607.711	4.505.128.898	1.170.887.480	112.831.229	90.339.152	11.722.794.470
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(455.909.098)	-	-	(455.909.098)
Số dư cuối năm	21.224.157.864	12.788.359.659	2.589.706.014	261.768.957	136.606.302	37.000.598.796
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	39.142.647.155	50.576.325.610	5.205.363.276	876.516.817	254.162.850	96.055.015.708
Tại ngày cuối năm	43.802.742.439	79.412.749.565	4.904.930.349	793.685.588	163.823.698	129.077.931.639

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.742.879.444	2.088.928.494
Chi phí bảo hiểm	97.701.853	39.605.373
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	7.874.483.055	159.250.724
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	163.271.262	200.298.245
	9.878.335.614	2.488.082.836
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.304.383.158	1.898.461.061
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	250.986.880	44.213.557
Chi phí trả trước dài hạn khác	19.976.715	189.065.928
	1.575.346.753	2.131.740.546

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hà Lan	9.472.216.637	9.472.216.637	5.395.203.235	5.395.203.235
Công ty TNHH Thực phẩm Bột mì CJ Việt Nam	2.971.045.500	2.971.045.500	3.606.097.000	3.606.097.000
Công ty TNHH SX TM DV Hường Dương Milk Tea Fresh	-	-	1.158.569.425	1.158.569.425
Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN	6.405.779.490	6.405.779.490	-	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Thế Hoài	2.979.147.200	2.979.147.200	-	-
Phải trả khác	19.225.199.800	19.225.199.800	6.897.342.586	6.897.342.586
	41.053.388.627	41.053.388.627	17.057.212.246	17.057.212.246
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	358.750	358.750	358.750	358.750

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Á Long	-	348.112.440
Công ty Cổ phần T-Martstores	-	143.039.974
Công ty TNHH SX TM DV Hường Dương Milk Tea Fresh	1.032.935.500	-
R&D Pathan Trading Limiter Partnership	2.175.575.832	-
Ali Sulaiman Alshehri Trading Co	1.487.793.347	-
Công ty TNHH Sản xuất Hoàng Châu	1.300.010.000	-
Trả trước khác	34.841.722.266	243.642.926
	40.838.036.945	734.795.340
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
	-	348.112.440

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

a nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	308.755.253	4.876.708.459	2.189.584.108	-	2.995.879.604
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	153.593.622	153.593.622	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.052.127.204	7.794.789.831	2.956.699.028	-	7.890.218.007
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	2.750.000	2.750.000	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	5.097.600	108.342.360	5.097.600	-	108.342.360
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	10.000.000	10.000.000	-	-
	-	3.365.980.057	12.946.184.272	5.317.724.358	-	10.994.439.971

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	337.325.950	428.624.468
Bảo hiểm y tế	32.898.996	50.827.365
Bảo hiểm thất nghiệp	14.621.776	21.742.220
Ngô Thành Nam	6.500.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	49.353.349	15.292.374
	6.934.200.071	516.486.427

NG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

a nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

V. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	23.888.109.604	23.888.109.604	96.879.802.162	81.005.921.100	39.761.990.666	39.761.990.666
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	22.909.298.994	22.909.298.994	82.527.329.620	72.218.288.633	33.218.339.981	33.218.339.981
- Ngân hàng TMCP Quân đội	978.810.610	978.810.610	2.952.374.593	2.936.775.702	994.409.501	994.409.501
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	-	2.967.499.594	2.637.777.416	329.722.178	329.722.178
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	2.997.222.006	-	2.997.222.006	2.997.222.006
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	5.435.376.349	3.213.079.349	2.222.297.000	2.222.297.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	6.812.115.490	6.812.115.490	7.502.411.860	4.238.635.320	10.075.892.030	10.075.892.030
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	4.781.040.170	4.781.040.170	5.291.274.860	2.207.560.000	7.864.755.030	7.864.755.030
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	111.333.320	111.333.320	-	111.333.320	-	-
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	151.200.000	151.200.000	151.200.000	151.200.000	151.200.000	151.200.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	1.768.542.000	1.768.542.000	1.768.542.000	1.768.542.000	1.768.542.000	1.768.542.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	-	-	291.395.000	-	291.395.000	291.395.000
	30.700.225.094	30.700.225.094	104.382.214.022	85.244.556.420	49.837.882.696	49.837.882.696
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7.498.834.860	7.498.834.860	-	2.207.560.000	5.291.274.860	5.291.274.860
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	111.333.320	111.333.320	-	111.333.320	-	-
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	745.000.000	745.000.000	-	151.200.000	593.800.000	593.800.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	6.054.196.500	6.054.196.500	-	1.768.542.000	4.285.654.500	4.285.654.500
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	-	-	700.000.000	291.395.000	408.605.000	408.605.000
- Nợ thuế tài chính dài hạn	-	-	799.733.000	-	799.733.000	799.733.000
	14.409.364.680	14.409.364.680	1.499.733.000	4.530.030.320	11.379.067.360	11.379.067.360
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	6.812.115.490	6.812.115.490	7.502.411.860	4.238.635.320	10.075.892.030	10.075.892.030
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	7.597.249.190	7.597.249.190			1.303.175.330	1.303.175.330

tổng tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Đơn vị tính: đồng						
TT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/12/2020
1	Vay ngắn hạn					
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam					33.218.339.981
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 266/2019HĐCVHM/NHCT131-BAONGOC ngày 13 tháng 06 năm 2019.	20.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	33.218.339.981
2	Ngân hàng TMCP Quân đội					994.409.501
	Hợp đồng cấp tín dụng số 54229.19.008.1516289.TD ngày 16 tháng 12 năm 2019.	5.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	04 tháng kể từ ngày giải ngân	7,80%	994.409.501
3	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam					329.722.178
	Hợp đồng cấp tín dụng số 024/2020/HĐTD ngày 01 tháng 04 năm 2020	3.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	09 tháng kể từ ngày giải ngân	12,075%/năm	329.722.178
4	Ngân hàng TMCP Tiên Phong					2.997.222.006
	Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 540/2020/HĐTD/ CNM/01.	4.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	2.997.222.006
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam					2.222.297.000
	Hợp đồng cấp tín dụng số 038/537/20/017 ngày 16 tháng 01 năm 2020.	3.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	04 tháng kể từ ngày giải ngân	7,5%/năm	2.222.297.000
						Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/537/2020/011 ngày 16/01/2020.
	Tổng cộng vay ngắn hạn					39.761.990.666

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

										Đơn vị tính: đồng	
II	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn										
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam									5.291.274.860	
	Hợp đồng số 576/2018/HĐCVDADT/NHCT131-BN ngày 31 tháng 07 năm 2018.	1.500.000.000	Cấp tín dụng đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	36 tháng	Trong từng giấy nhận nợ	1.038.812.250	Hợp đồng thế chấp nhà ở gắn liền với đất và các hợp đồng thế chấp khác.				
	Hợp đồng số 987/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BAONGOC ngày 26/12/2019.	2.000.000.000	Cấp tín dụng đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	24 tháng	8,5%/năm	932.309.000	Hợp đồng thế chấp tài sản số 88/2019/HĐBD/NHCT131-BAONGOC ngày 08/03/2019.				
	Hợp đồng số 268/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BAONGOC ngày 13/06/2019.	3.000.000.000	Thanh toán chi phí đầu tư dự án Sửa chữa nâng cấp cải tạo Tòa nhà Bảo Ngọc	24 tháng	8,5%/năm	2.873.458.610	Hợp đồng thế chấp tài sản số 88/2019/HĐBD/NHCT131-BAONGOC ngày 08/03/2019.				
	Các khoản vay trung và dài hạn khác	350.000.000 đến 1.872.200.000	Cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	36-60 tháng	8%-8,5%/năm	446.695.000	Tài sản hình thành từ vốn vay				
2	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam					593.800.000					
	Hợp đồng số 1702-LAV-2017-00397 ngày 10 tháng 11 năm 2017.	1.060.000.000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	84 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân	593.800.000	Tài sản hình thành từ vốn vay				
3	Ngân hàng TMCP Quân đội					4.285.654.500					
	Hợp đồng số 7886.19.008.1516289.TD ngày 20 tháng 03 năm 2019.	861.280.000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	48 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân	474.445.000	Tài sản hình thành từ vốn vay				
	Hợp đồng số 9462.19.008.1516289.TD ngày 02 tháng 04 năm 2019.	1.807.000.000	Mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	48 tháng	Trong từng giấy nhận nợ	1.003.103.000	Hợp đồng tiền gửi số 21505.19.008.1516289.TG.DN				
	Hợp đồng số 22980.19.008.1516289.TD ngày 21 tháng 06 năm 2019	640.900.000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	48 tháng	9%/năm	400.564.000	Tài sản hình thành từ vốn vay				
	Hợp đồng số 26927.19.008.1516289.TD ngày 15 tháng 07 năm 2019	3.765.432.000	Mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	48 tháng	9,5%/năm	2.407.542.500	Tài sản hình thành từ vốn vay				
4	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM					408.605.000					
	Hợp đồng tín dụng số 2126/20MN/HĐTD ngày 20 tháng 01 năm 2020	700.000.000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	36 tháng	12,02%/năm	408.605.000	Tài sản hình thành từ vốn vay				
5	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam					799.733.000					
	Tổng cộng vay và nợ thuê tài chính dài hạn					11.379.067.360					
	Tổng cộng vay					51.141.058.026					

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

a nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	-	24.968.900.453	2.883.654.615	107.852.555.068
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	2.900.000.000	2.900.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	11.634.750.324	4.128.361	11.638.878.685
Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	-	36.603.650.777	5.787.782.976	122.391.433.753
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	-	36.603.650.777	5.787.782.976	122.391.433.753
Lãi trong năm nay	-	-	31.839.078.439	527.695.422	32.366.773.861
Phân phối lợi nhuận	-	1.698.273.899	(2.264.365.199)	-	(566.091.300)
Hợp nhất công ty con mua trong kỳ	-	-	(121.382.488)	4.670.012.158	4.548.629.670
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	1.698.273.899	66.056.981.529	10.985.490.556	158.740.745.984

Theo Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 02/2020/BN-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo riêng

Trích Quỹ đầu tư phát triển

Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi trả cổ tức (bằng 5% vốn điều lệ)

Lợi nhuận chưa phân phối

Tỷ lệ	Số tiền
%	VND
100,00%	11.321.825.994
15,00%	1.698.273.899
5,00%	566.091.300
35,33%	4.000.000.000
44,67%	5.057.460.795

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần Á Long	18,81%	15.050.000.000	18,81%	15.050.000.000
Ông Lê Đức Thuận	36,06%	28.850.360.000	36,06%	28.850.360.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Homeconstruct	5,88%	4.700.000.000	5,88%	4.700.000.000
Các cổ đông khác	39,25%	31.399.640.000	39,25%	31.399.640.000
	100%	80.000.000.000	100%	80.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000.000	80.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.698.273.899	-
	1.698.273.899	-

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán thành phẩm	419.023.743.887	127.590.599.846
Doanh thu bán hàng hóa	179.475.801.714	122.580.635.019
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.803.180.244	3.717.163.269
	604.302.725.845	253.888.398.134

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	4.549.218.498	129.181.669
Hàng bán bị trả lại	2.892.661.413	1.804.318.064
	7.441.879.911	1.933.499.733

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	340.167.880.051	93.813.003.536
Giá vốn của hàng hóa đã bán	171.958.009.525	109.730.071.910
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	97.158.536
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(781.001.887)
	512.125.889.576	202.859.232.095

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	321.193.115	40.046.277
	321.193.115	40.046.277

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.196.177.030	2.691.361.971
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	10.401.293	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	6.520.001	-
Chi phí tài chính khác	1.252.025	88.472.588
	3.214.350.349	2.779.834.559

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	19.120.414	10.750.456
Chi phí nhân công	10.523.110.108	2.639.683.389
Chi phí khấu hao tài sản cố định	922.028.586	758.310.933
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.443.330.788	10.445.195.970
Chi phí khác bằng tiền	2.515.275.102	7.255.600.247
	22.422.864.998	21.109.540.995

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	835.898.874	836.604.495
Chi phí nhân công	6.180.079.904	2.054.788.773
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.388.856.846	3.684.257.818
Thuế, phí, lệ phí	276.717.494	193.522.334
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.012.070.152	3.165.347.355
Lợi thế thương mại	(113.085.929)	14.836.254
Chi phí khác bằng tiền	1.356.098.099	178.147.435
	18.936.635.440	10.127.504.464

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.794.789.831	3.096.024.382
	7.794.789.831	3.096.024.382

25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**a) Tài sản thuế TNDN hoãn lại**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	80.941.275	27.138.155
	80.941.275	27.138.155

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	36.588.038	70.998.242
	36.588.038	70.998.242

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	32.366.773.861	11.638.878.685
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	32.366.773.861	11.638.878.685
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.046	1.455

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	486.362.139.449	170.602.297.492
Chi phí nhân công	27.191.426.774	11.698.734.809
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.722.794.470	8.962.020.220
Chi phí thuế và lệ phí	233.122.627	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.651.462.903	15.640.552.536
Chi phí khác bằng tiền	3.477.005.471	7.631.622.497
	549.637.951.694	214.535.227.554

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.717.816.844	-	4.893.673.795	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	81.598.496.771	-	12.196.238.026	-
Các khoản cho vay	-	-	10.500.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	362.000.000	-	362.000.000	-
	92.678.313.615	-	27.951.911.821	-

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2020	01/01/2020
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ		51.141.058.026	38.297.474.284
Phải trả người bán, phải trả khác		47.987.588.698	17.573.698.673
Chi phí phải trả		-	1.333.902.017
		99.128.646.724	57.205.074.974

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Đầu tư ngắn hạn	362.000.000	-	-	362.000.000
	362.000.000	-	-	362.000.000
Tại ngày 01/01/2020				
Đầu tư ngắn hạn	362.000.000	-	-	362.000.000
	362.000.000	-	-	362.000.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.717.816.844	-	-	10.717.816.844
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.598.496.771	45.000.000.000	-	81.598.496.771
	47.316.313.615	45.000.000.000	-	92.316.313.615
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.893.673.795	-	-	4.893.673.795
Phải thu khách hàng, phải thu khác	12.196.238.026	-	-	12.196.238.026
Các khoản cho vay	10.500.000.000	-	-	10.500.000.000
	27.589.911.821	-	-	27.589.911.821

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	49.837.882.696	1.303.175.330	-	51.141.058.026
Phải trả người bán, phải trả khác	47.987.588.698	-	-	47.987.588.698
	97.825.471.394	1.303.175.330	-	99.128.646.724
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	30.700.225.094	7.597.249.190	-	38.297.474.284
Phải trả người bán, phải trả khác	17.573.698.673	-	-	17.573.698.673
Chi phí phải trả	1.333.902.017	-	-	1.333.902.017
	49.607.825.784	7.597.249.190	-	57.205.074.974

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

a nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	411.581.863.976	179.475.801.714	5.803.180.244	596.860.845.934	596.860.845.934
Chi phí bộ phận trực tiếp	340.167.880.051	171.958.009.525	-	512.125.889.576	512.125.889.576
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	71.413.983.925	7.517.792.189	5.803.180.244	84.734.956.358	84.734.956.358
Tổng chi phí mua TSCĐ	44.846.164.939	-	-	44.846.164.939	44.846.164.939
Tài sản bộ phận	79.412.749.565	-	-	79.412.749.565	79.412.749.565
Tài sản không phân bổ	-	-	-	235.276.530.177	235.276.530.177
Tổng tài sản	79.412.749.565	-	-	314.689.279.742	314.689.279.742
Nợ phải trả bộ phận	46.435.155.377	-	-	46.435.155.377	46.435.155.377
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	109.513.378.381	109.513.378.381
Tổng nợ phải trả	46.435.155.377	-	-	155.948.533.758	155.948.533.758
Theo khu vực địa lý					

Hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 15.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.546.143.357	274.363.236
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn	2.546.143.357	274.363.236
Mua hàng hóa, dịch vụ		-	282.278.628
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn	-	282.278.628

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		-	1.504.136.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Homeconstruct	Thành viên góp vốn	-	1.504.136.400
Ứng trước cho nhà cung cấp		-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Homeconstruct	Thành viên góp vốn	-	10.000.000.000
Phải trả người bán		358.750	358.750
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn	358.750	358.750
Người mua trả tiền trước		-	348.112.440
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn	-	348.112.440

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	621.714.925	179.712.570

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam kiểm toán.



Lại Thị Thu Hà
Người lập



Nguyễn Xuân Trường
Kế toán trưởng




Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2021